

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦU NGANG
TỈNH TRÀ VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 71/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 19-6-2023

V/v “Tranh chấp ly hôn”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG TỈNH TRÀ VINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Tranh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mai Thanh Chúc

2. Ông Nguyễn Trung Hoà

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Chung Hữu Toàn – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh:** Ông Nguyễn Tấn An, Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 210/2023/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2023 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 113/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 02/6/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Thạch Thị Hoa Tr, sinh năm 1984. Địa chỉ: Ấp L, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (có mặt);

Bị đơn: Anh Trần Minh Ch, sinh năm 1976. Địa chỉ: Ấp L, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh.(xin xét xử vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai tại Tòa án trong quá trình xét xử nguyên đơn chị Thạch Thị Hoa Tr trình bày và yêu cầu như sau:

+ *Về hôn nhân:* Chị và anh Châu không quen biết nhau mà do mai mối và tự nguyện tiến đến hôn nhân, gia đình hai bên có tổ chức lễ cưới theo phong tục, chị và anh Ch đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh năm 2003. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung nhau khoảng 03 tháng thì bất đồng quan điểm hay cãi vã nhau nên mạnh ai nấy sống không ai quan tâm đến ai và ly thân từ đó cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị Tr yêu cầu ly hôn với anh Trần Minh Ch.

- + *Về con chung*: Vợ chồng chung sống không có con chung.
- + *Về tài sản chung, nợ chung*: Không có, chị Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn anh Trần Minh Ch xin xét xử vắng mặt nhưng anh Trần Minh Ch có lời khai như sau: Anh và chị Tr quen nhau khoảng 04 đến 05 năm mới tiến đến hôn nhân và đăng ký kết hôn năm 2003, sau khi kết hôn vợ chồng đi làm thuê ở Thành Phố Hồ Chí Minh, vợ chồng không mâu thuẫn gì nhưng sau đó chị Tr không làm, trở về nhà mẹ ruột sống vài tháng thì bỏ đi theo người khác, vợ chồng ly thân cho đến nay, thời gian ly thân vợ chồng không gặp nhau bàn bạc việc đoàn tụ, sống không hạnh phúc, chị Tr yêu cầu ly hôn thì anh chấp nhận ly hôn. Về con chung: Vợ chồng không có con chung, tài sản chung, nợ chung anh không yêu cầu giải quyết.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán từ khi thụ lý hồ sơ vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình cho chị Tr ly hôn anh Ch. Về con chung: không có, về tài sản chung và nợ chung chị Tr, anh Ch không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Về án phí chị Tr phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa chị Tr và anh Ch là tranh chấp về ly hôn; bị đơn đang cư trú tại huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Tại phiên tòa hôm nay anh Châu có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, nên Tòa án căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Châu.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Tr và anh Ch chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh vào ngày 14/3/2003 là đúng quy định pháp luật. Căn cứ vào Điều 8, Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình xác định hôn nhân của chị Tr và anh Ch là hợp pháp.

[2.2] Xét yêu cầu của chị Tr xin ly hôn anh Ch, thì thấy rằng lời khai của chị Tr trong thời gian chung sống có nhiều mâu thuẫn nên vợ chồng hay cãi vã nhau, sau khi cưới được khoảng 03 tháng thì ly thân cho đến nay, thời gian ly thân chị Tr

và anh Ch không quan tâm đến cuộc sống của nhau, không gặp nhau để thỏa thuận đoàn tụ, anh Ch trình bày sống chung không có hạnh phúc, vợ chồng ly thân từ tháng 7 năm 2003 cho đến nay; nay chị Tr xin ly hôn thì anh chấp nhận ly hôn. Tòa xét thấy chị Tr và anh Ch đã ly thân nhau 20 năm, thời gian ly thân đã lâu, không ai quan tâm đến ai, vì vậy mâu thuẫn giữa chị Tr và anh Ch là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc chị Tr và anh Ch tự nguyện ly hôn là có căn cứ được quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[2.3] Về con chung: Chị Tr và anh Ch không có con chung nên không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Tr và anh Ch không yêu cầu nên không xem xét.

[3] Về án phí: Chị Tr phải chịu án phí hôn nhân theo quy định.

[4] Xét quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51; 56; 57 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Chị Thạch Thị Hoa Tr được ly hôn anh Trần Minh Ch.
- Về con chung: Chị Tr và anh Ch không có con chung nên không xem xét.
- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Tr và anh Ch không yêu cầu nên không xem xét.

Về án phí: Chị Thạch Thị Hoa Tr phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0015653 ngày 07/3/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang. Chị Tr đã nộp đủ án phí.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9

Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Cầu Ngang;
- Chi cục THADS huyện Cầu Ngang;
- Các đương sự;
- UBND xã N, Cầu Ngang;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Tranh